

Phụ lục II-2
DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TRÊN
ÁP DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẮK TÔ
(Kèm theo Quyết định số 547/QĐ-SYT ngày 31/12/2014 của Giám đốc Sở Y tế)

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
1	2	3
III. NHI KHOA		
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	
1	Rửa màng bụng cấp cứu	III-166
	E. TOÀN THÂN	
2	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	III-186
	V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP	
	Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG	
3	Soi trực tràng	III-1071
	XIII. NỘI KHOA	
	A. THẦN KINH	
4	Phong bế ngoài màng cứng	III-2265
	XV. UNG BUỒU- NHI	
	I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC	
5	Cắt u sùi đầu miệng sáo	III-2719
	XIX. NGOẠI KHOA	
	E. CHẤN THƯƠNG – CHÍNH HÌNH	
	8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân	
6	Tháo bỏ các ngón chân	III-3797
7	Tháo đốt bàn	III-3798
	9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)	
8	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	III-3816
9	Nối gân gấp	III-3803
10	Gỡ dính gân	III-3804
	G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC	
11	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	III-3920
12	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ	III-3923
V. DA LIỄU		
	B. NGOẠI KHOA	
	2. Phẫu thuật	
13	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	V-68
IX. GÂY MỀ HỒI SỨC		
	A. CÁC KỸ THUẬT	
14	Đặt nội khí quản 1 bên với nòng chặn phế quản (blocker)	IX-36
15	Kỹ thuật gây tê hoặc giảm đau cạnh đốt sống	IX-83
16	Kỹ thuật gây tê ngoài màng cứng phẫu thuật lấy thai	IX-85
17	Kỹ thuật gây tê tủy sống + ngoài màng cứng phối hợp phẫu thuật lấy thai	IX-93
	C. HỒI SỨC	
18	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	IX-3347
X. NGOẠI KHOA		
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO	

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
	4. Dịch não tủy	
19	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	X-57
	D. TIÊU HÓA	
	5. Ruột thừa- Đại tràng	
20	Các phẫu thuật ruột thừa khác	X-510
	Đ. GAN - MẬT - TỤY	
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC	
	1. Thành bụng - cơ hoành	
21	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	X-686
	2. Phức mạc	
22	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	X-701
	G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
	4. Vùng bàn tay	
23	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	X-749
24	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	X-750
25	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	X-751
	7. Khớp gối	
26	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	X-774
	10. Gãy xương hở	
27	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	X-805
28	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	X-806
	11. Tổn thương phần mềm	
29	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	X-808
30	Phẫu thuật vết thương bàn tay	X-809
31	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	X-810
32	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	X-811
	12. Vùng cổ tay-bàn tay	
33	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	X-819
34	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	X-823
35	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	X-851
36	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	X-864
	13. Vùng cổ chân-bàn chân	
37	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	X-876
	13. Vùng cổ chân-bàn chân	
38	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	X-877
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình	
39	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	X-885
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác	
40	Phẫu thuật tháo khớp chi	X-943
41	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	X-947
42	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	X-953
43	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	X-955
44	Phẫu thuật vá da diện tích <5cm ²	X-960
45	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm ²	X-961
46	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm ²	X-962
47	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	X-965

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
48	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	X-967
49	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	X-970
50	Phẫu thuật vá da mỏng	X-978
51	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	X-980
52	Phẫu thuật vết thương khớp	X-983
	17. Nắn- Bó bột	
53	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	X-989
54	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	X-990
55	Nắn, bó bột cột sống	X-994
56	Nắn, bó bột trật khớp vai	X-995
57	Nắn, bó bột gãy xương đòn	X-996
58	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	X-997
59	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	X-998
60	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	X-999
61	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	X-1000
62	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	X-1001
63	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	X-1007
64	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	X-1008
65	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	X-1009
66	Nắn, bó bột trật khớp háng	X-1010
67	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	X-1011
68	Nắn, bó bột gãy mâm chày	X-1012
69	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	X-1015
70	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	X-1016
71	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	X-1017
72	Nắn, bó bột trật khớp gối	X-1018
73	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	X-1019
74	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	X-1020
75	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	X-1021
76	Nắn, bó bột gãy xương chày	X-1022
77	Nắn, bó bột gãy xương gót	X-1023
78	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	X-1024
79	Nắn, bó bột trật khớp cùi chỏ	X-1025
80	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	X-1026
81	Nắn, bó bột gãy Monteggia	X-1027
82	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	X-1028
83	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	X-1029
84	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	X-1031
85	Nẹp bột các loại, không nắn	X-1032
XI. BÔNG		
	A. ĐIỀU TRỊ BÔNG	
	1. Thay băng bông	
86	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-3
	2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông	
87	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-18
88	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-21

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
89	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-24
90	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-27
91	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	XI-65
92	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	XI-67
93	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	XI-71
	3. Các kỹ thuật khác	
94	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	XI-87
95	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	XI-88
XII. UNG BƯỚU		
	C. HÀM - MẶT	
96	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	XII-46
	L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP	
97	Cắt u xương, sụn	XII-325
	K. VÚ - PHỤ KHOA	
98	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	XII-290
99	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	XII-291
XIII. PHỤ SẴN		
	A. SẴN KHOA	
100	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	XIII-2
XVI. RĂNG - HÀM - MẶT		
	A. RĂNG	
101	Điều trị áp xe quanh răng cấp	XVI-39
102	Điều trị áp xe quanh răng mạn	XVI-40
XVIII. ĐIỆN QUANG		
	A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN	
	1. Siêu âm đầu, cổ	
103	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	XVIII-3
104	Siêu âm hạch vùng cổ	XVIII-4
	2. Siêu âm vùng ngực	
105	Siêu âm màng phổi	XVIII-11
106	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	XVIII-12
107	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	XVIII-13
	3. Siêu âm ổ bụng	
108	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	XVIII-19
	4. Siêu âm sản phụ khoa	
109	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	XVIII-42
110	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	XVIII-43
	5. Siêu âm cơ xương khớp	
111	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	XVIII-44
	7. Siêu âm vú	
112	Siêu âm tuyến vú hai bên	XVIII-54
	8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam	
113	Siêu tinh hoàn hai bên	XVIII-57
114	Siêu âm dương vật	XVIII-59
XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP		

TT	TÊN KỸ THUẬT	STT kỹ thuật theo thông tư số 43/2013/TT-BYT
	B. TAI - MŨI - HỌNG	
115	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán	XX-5
	XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	
	G. TRUYỀN MÁU	
116	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	XXII-456
	XXIII. HÓA SINH	
	A. MÁU	
117	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	XXIII-142
117	Định lượng Urê	XXIII-166
	XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ	
	B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH	
118	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính phloïd	XXVIII-267
	Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI	
119	Cắt các khối u da lành tính dưới 5 cm	XXVIII-403
120	Cắt các khối u da lành tính trên 5 cm	XXVIII-404
121	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	XXVIII-407